

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU GLORY VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU GLORY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLORY VIET NAM IMPORT - EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GLORY IMPORT - EXPORT.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108551179

**3. Ngày thành lập:** 18/12/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14, ngõ 272 Đường Hữu Hưng, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                             | 8299        |
| 2.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8121        |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                      | 8230        |
| 4.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết: Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                               | 2023(Chính) |
| 5.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                              | 4541        |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690        |
| 7.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4722 |
| 11. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4512 |
| 12. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4543 |
| 13. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4520 |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác                                                                                                                                                                                                     | 4932 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay<br>- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.            | 5229 |
| 16. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm cho thuê kho bãi, nhà xưởng)                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5210 |
| 17. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4772 |
| 18. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                | 4511 |
| 19. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4513 |
| 20. | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4933 |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7710 |

|     |                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ xà phòng, chất tẩy rửa | 4773 |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn xà phòng, chất tẩy rửa    | 4669 |
| 25. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá)                 | 4530 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN QUANG SONG | Phòng 406 – CT1 - khu Chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 034084002096                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                            | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN BỪNG   | Phòng 814 – CT2 – Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 030080000208                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                            | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN SƠN    | Thôn Văn Ông Đoài, Xã Đông Vinh, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 034090003907                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                            | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG SONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034084002096

Ngày cấp: 25/03/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 406 - CT1- khu Chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 406 - CT1- khu Chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội